PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Nhựa.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Sức khỏe con người Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

Thành phần nhãn

Hình đồ

Từ cảnh báo Cảnh báo

Câu cảnh báo nguy cơ

H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Câu phòng ngừa	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
Thông tin nhãn bổ sung	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
Bao gồm	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700) **30-60%**

Số CAS: 25068-38-6

Phân loại
Kích ứng da loại 2 - H315
Kích ứng mắt loại 2A - H319
Mẫn cảm da loại 1 - H317
Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Avoid contact with eyes. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tủy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể Khí hoặc hơi gây kích ứng.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Sử dụng và mở thùng chứa một cách cẩn thận. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.
Bảo hộ mắt/mặt	Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê quyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.
Bảo hộ tay	Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.
Bảo hộ khác cho da và cơ thể	Tránh tiếp xúc với da.
Các biện pháp về vệ sinh	Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Keep away from food, drink and animal feeding stuffs. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.
Bảo hộ cho hô hấp	Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Đeo mặt nạ cung cấp khí. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Tối. Xám.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): 7.0 @ 20
Điểm nóng chảy	n/d°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>260°C @
Điểm chớp cháy	>204°C
Tỷ lệ hóa hơi	<<1 (butyl acetate=1)
Áp suất hơi	<0.03 mm Hg @ °C
Tỷ trọng tương đối	2.80 @ 20°C
Tính tan	Ít tan trong nước.
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Chất oxy hóa mạnh. Axit. Amin.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác.

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Axit mạnh. Amin.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Sản phẩm chứa một lượng nhỏ chất gây mẫn cảm. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Đường vào cơ thể	Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Tránh phát thải ra môi trường. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Very toxic to aquatic organisms.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung	Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	3082
Số UN (IMDG)	3082
Số UN (ICAO)	3082

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	9
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	9
Nhóm IMDG	9
Nhóm/ mục ICAO	9

Nhãn vận chuyển

Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt	III
Nhóm đóng gói IMDG	III
Nhóm đóng gói ICAO	III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS	F-A, S-F
Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt)	90
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC	Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi	04/04/2018
Sửa đổi	5
Ngày thay thế	27/04/2017

Wetsurface Repair Putty (UW) Resin

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. gười sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.